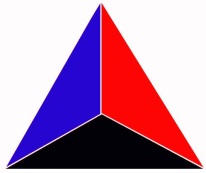
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

**VVMI – MANUFACTURING AND MATRERIAL EQUITMENT TRADING JSC**

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT**

**VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**



**V V M I**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101854047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 06 tháng 04 năm 2016)*

**Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:**

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Điện thoại: 043. 8833.247 Fax: 043.9689.871

Website: vttbvietbac-vvmi.com.vn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam**

*Trụ sở chính:* Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 043.944.5888 Fax: 043. 944.5889 Website: [www.vise.com.vn](http://www.vise.com.vn)

**Người phụ trách công bố thông tin:**

**Họ tên: Phạm Đức Khiêm Chức vụ: Giám đốc**

**Số điện thoại: 043. 8833.247 Fax: 043.9689.871**

# MỤC LỤC

[1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 3](#_Toc466895780)

[1.1 Giới thiệu chung về tổ chức 3](#_Toc466895781)

[1.2 Quá trình hình thành và phát triển 3](#_Toc466895782)

[1.3 Quá trình tăng vốn 5](#_Toc466895783)

[2. Cơ cấu tổ chức công ty 6](#_Toc466895784)

[3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông 10](#_Toc466895785)

[3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 25/10/2016 10](#_Toc466895786)

[3.2. Danh sách cổ đông sáng lập 11](#_Toc466895787)

[3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 25/10/2016 11](#_Toc466895788)

[4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng. 11](#_Toc466895789)

[4.1 Công ty mẹ của Công ty 11](#_Toc466895790)

[4.2 Công ty con 12](#_Toc466895791)

[5. Hoạt động kinh doanh. 12](#_Toc466895792)

[5.1 Các sản phẩm chính của công ty 12](#_Toc466895793)

[5.2 Cơ cấu Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa và dịch vụ 12](#_Toc466895794)

[5.3 Chi phí sản xuất 13](#_Toc466895795)

[5.4. Công nghệ sản xuất 13](#_Toc466895796)

[5.5 Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới 17](#_Toc466895797)

[6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất. 18](#_Toc466895798)

[6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 18](#_Toc466895799)

[6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 18](#_Toc466895800)

[7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 19](#_Toc466895801)

[8. Chính sách đối với người lao động 20](#_Toc466895802)

[8.1 Số lượng cán bộ nhân viên của công ty 20](#_Toc466895803)

[8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 21](#_Toc466895804)

[9. Chính sách cổ tức 22](#_Toc466895805)

[10. Tình hình tài chính 22](#_Toc466895806)

[10.1 Các chỉ tiêu cơ bản 22](#_Toc466895807)

[10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 26](#_Toc466895809)

[12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty) 26](#_Toc466895810)

[12.1. Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015 26](#_Toc466895811)

[12.2. Tình hình đất đai tại thời điểm 30/06/2016: 27](#_Toc466895812)

[13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016 27](#_Toc466895813)

[14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 28](#_Toc466895814)

[15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty 29](#_Toc466895815)

[16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty 29](#_Toc466895816)

[II. QUẢN TRỊ CÔNG TY 29](#_Toc466895817)

[1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị 29](#_Toc466895818)

[2. Ban kiểm soát 34](#_Toc466895819)

[3. Giám đốc và các cán bộ quản lý. 38](#_Toc466895820)

[4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty 38](#_Toc466895821)

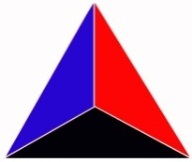
[III. PHỤ LỤC 38](#_Toc466895822)

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

## 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

***1.1 Giới thiệu chung về tổ chức***

* Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
* Tên công ty bằng Tiếng Anh: VVMI – MANUFACTURING AND MATERIALS EQUIPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY
* Trụ sở chính: Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
* Điện thoại: 043 883 3247
* Fax: 043 968 9871
* Vốn điều lệ đăng ký: 12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)
* Vốn điều lệ thực góp: 12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)
* Logo:



**V V M I**

* Tài khoản ngân hàng: 102010000063331 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh.
* Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức Khiêm – Giám đốc
* Mã số thuế: 0101854047
* Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101854047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 06 tháng 04 năm 2016.
* Ngành nghề kinh doanh chính:
* Kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
* Kinh doanh vỏ bao xi măng;
* Kinh doanh lưới thép nóc lò.

***1.2 Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Vật tư Vận tải và Chế biến Than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, được thành lập theo quyết định số: 390/NL - TCCB ngày 26/6/1983 của Bộ Năng lượng. Trong thời kỳ bao cấp, Công ty có nhiệm vụ vận chuyển than của hai mỏ than Khánh Hòa và Núi Hồng đi tiêu thụ tại các tỉnh phía Bắc và cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Nguyên. Ngoài ra, công ty còn làm nhiệm vụ tiếp nhận, vận chuyển vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cấp phát cho các đơn vị trong Công ty than III. Cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty lúc bấy giờ bao gồm hàng trăm xe ô tô với đủ các chủng loại xuất xứ từ nhiều nước khác nhau như Liên Xô, Tiệp Khắc, Nhật Bản, Đức… Cùng với hệ thống kho bãi phục vụ công tác tiếp nhận, tập kết, bảo quản và cấp phát vật tư, nhiên liệu, công ty còn sở hữu đội ngũ công nhân dịch vụ kỹ thuật lành nghề chuyên sửa chữa bảo dưỡng ô tô và các máy móc thiết bị khác.

Năm 1992, khi nền kinh tế đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các thành phần kinh tế đều bình đẳng phát triển trước sự khắc nghiệt của cơ chế thị trường, Công ty đã từng bước sắp xếp sản xuất chuyển đổi cơ cấu đa dạng hóa ngành nghề để tồn tại và phát triển, nhạy bén trước nhu cầu về chất đốt phục vụ cho thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận. Công ty đã đầu tư một hệ thống dây chuyền sản xuất than tổ ong của Trung Quốc với công suất 35.000.000 viên/ năm, các công đoạn sản xuất được cơ giới hóa, về cơ bản các xưởng sản xuất đã giải quyết được công ăn việc làm cho CBCNV công ty.

Năm 1995, với chủ trương đa dạng ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm dựa trên nền sản xuất kinh doanh than, Công ty đã đầu tư thêm một xưởng sản xuất vỏ bao xi măng cung cấp cho Nhà máy Xi măng La Hiên, một xưởng sản xuất bếp đun than, một xưởng sản xuất lưới thép lót nóc lò cung cấp cho các mỏ khai thác than hầm lò của ngành than. Công ty đã thành lập trạm chế biến và kinh doanh than với mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Từ năm 1996 đến nay, công ty không ngừng đầu tư, mở rộng sản xuất, tăng cường công tác Marketing, tìm nguồn hàng. Do đó, việc làm và thu nhập cho người lao động luôn được bảo đảm; Uy tín của công ty trên thị trường không ngừng được nâng cao, Công ty liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, được Nhà nước, cấp trên tặng thưởng nhiều huân, huy chương và các danh hiệu thi đua cao quý khác.

Theo quyết định số: 68/2004/QĐ-BCN ngày 30/07/2004 của Bộ Công nghiệp, đơn vị đã chuyển từ “Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than” thành “Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị -VVMI”, trở thành công ty cổ phần với 51% vốn Nhà nước (đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP), vận hành theo mô hình công ty mẹ - công ty con và hoạt động theo Luật doanh nghiệp hiện hành. Từ đó tới nay, công ty đã tạo dựng được nguồn vốn, đầu tư thêm dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng với công suất 10.000.000 vỏ/năm. Bên cạnh đó, công ty còn đầu tư thêm máy đan lưới thép liên hoàn.

Đến quý III năm 2009, theo cơ chế của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, phần kinh doanh và chế biến than của công ty bàn giao cho Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc tiếp nhận, công ty chỉ tập trung vào kinh doanh vật tư và sản xuất hai loại sản phẩm là lưới lót nóc lò và sản xuất vỏ bao xi măng.

Năm 2010, công ty tiến hành mở rộng nâng cấp dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng với công suất 20.000.000 vỏ/ năm và đầu tư thêm một xe ô tô trọng tải 8 tấn để phục vụ tiêu thụ lưới thép và vỏ bao xi măng.

Từ khi cổ phần hóa đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được mở rộng, thu hút thêm hàng trăm lao động vào làm việc, sản xuất kinh doanh tăng trưởng, đời sống của người lao động luôn giữ ổn định và cải thiện. Đơn vị cân đối được tài chính và luôn đạt lợi nhuận theo kế hoạch cấp trên giao. Đời sống vật chất và tinh thần CBCNV được cải thiện rõ rệt.



Công ty đã nhận tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 và được nhận bằng khen Bộ Công Thương năm 2015.

***1.3 Quá trình tăng vốn***

Ngày 05/10/2004, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kinh doanh số 0101854047 với mức vốn điều lệ là 3.000.000.000 *(Ba tỷ)* đồng.

Năm 2012, Công ty bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 3 tỷ đồng lên lên 6 tỷ đồng.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 0027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2016, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 12.5 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

***Tóm tắt quá trình tăng vốn của công ty***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Vốn điều lệ trước phát hành** | **Vốn điều lệ sau phát hành** | **Số vốn tăng thêm** | **Hình thức tăng** |
| 1. | 2012 | 3.000.000.000 | 6.000.000.000 | 3.000.000.000 | Chia cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 1:1 |
| 2. | 2016 | 6.000.000.000 | 12.500.000.000 | 6.500.000.000 | Chia cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 1:1,0833 |

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

***Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty***

CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI HÀ NỘI

XƯỞNG SẢN XUẤT VỎ BAO XI MĂNG

XƯỞNG SẢN XUẤT LƯỚI THÉP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC

BAN KIỂM SOÁT

VĂN PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÒNG KỸ THUẬT CƠ – ĐIỆN

PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ

PHÒNG KINH DOANH TIÊU THỤ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

PHÒNG XUẤT- NHẬP KHẨU

PHÒNG TỔ CHỨC LAO ĐỘNG

* **Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

* **Hội đồng quản trị:** Do Đại hôi đồng cổ đông bầu ra để quản trị công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị -VVMI bầu. Hiện tại, Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong đó có một Chủ tịch hội đồng quản trị và bốn thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kì tối đa là 5 năm và có thể bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Cơ cấu HĐQT đương nhiệm:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Đồng Quang Lực | - Chủ tịch HĐQT |
| 1. Phạm Đức Khiêm | - Thành viên HĐQT |
| 1. Phạm Đình Tuấn | - Thành viên HĐQT |
| 1. Ngô Minh Vinh | - Thành viên HĐQT |
| 1. Lưu Văn Hưng | - Thành viên HĐQT |

* **Ban kiểm soát:** Do Đại hôi đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một cách khách quan nhằm bảo đảm lợi ích cho các cổ đông. Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kì của ban kiểm soát không quá 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kì không hạn chế.

Cơ cấu ban kiểm soát đương nhiệm:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Nguyễn Hồng Hạnh | * Trưởng ban kiểm soát |
| 1. Lê Thị Hồng Cẩm | * Ủy viên ban kiểm soát |
| 1. Tô Toàn Thắng | * Ủy viên ban kiểm soát |

* **Ban Giám đốc công ty:** Do HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê để quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hiện tại công ty có một giám đốc và một phó giám đốc đương nhiệm. Trách nhiệm chính của Ban Giám đốc là:

• Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;

• Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

• Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

• Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Phạm Đức Khiêm | - Giám đốc |
| 2.Ngô Minh Vinh | - Phó giám đốc |

***Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:***

* **Phòng tổ chức lao động**: Giúp HĐQT và giám đốc công ty thống nhất quản lý nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ, công tác lao động tiền lương – đào tạo, thi đua, theo dõi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên công ty...
* **Văn phòng**: Tiếp nhận công văn, giấy tờ gửi đến công ty, và chuyển cấp có thẩm quyền giải quyết, theo dõi và quản lý lịch làm việc của cán bộ công ty, đảm nhiệm công tác thanh tra, bảo vệ - quân sự, công tác y tế toàn công ty...
* **Phòng xuất nhập khẩu**: Có chức năng và nhiệm vụ quản lý điều hành thực hiện các hoạt động đối ngoại, phân tích, mở rộng thị trường và giới thiệu sản phẩm, khai thác nội địa và nhập khẩu để cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý. Bao gồm:
* Kinh doanh vật tư thiết bị: chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho Công ty và các đơn vị có liên quan. Mua sắm, cung cấp đầy đủ kịp thời vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu để sản xuất các sản phẩm, thi công các công trình phục vụ hoạt động sản xuất của các mỏ các đơn vị trong Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và các đơn vị ngoài tập đoàn.
* Xuất nhập khẩu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng thương mại trong nước cho các mỏ của các đơn vị trong tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và các đơn vị khác.
* **Phòng kế hoạch vật tư:** Giúp HĐQT và giám đốc công ty thống nhất quản lý nghiệp vụ công tác kế hoạch vật tư – đầu tư trong công ty theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của cấp trên, điều lệ hoạt động của công ty và các quy định khác của công ty, cụ thể:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn trong Công ty.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch giá thành sản xuất, định mức tiêu hao vật tư, năng suất thiết bị và chỉ tiêu giao khoán. Giám sát và nghiệm thu giá thành sản xuất và định mức giao khoán. Đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh của Công ty trong năm kế hoạch và dài hạn.

- Tổ chức quản lý kho bãi vật tư, nguyên liệu và sản phẩm, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vật tư nguyên liệu. Đề xuất phương án xử lý vật tư tồn kho, ứ đọng trong công ty.

- Tổ chức quản lý hồ sơ sổ sách về công tác kế hoạch vật tư.

* **Phòng kế toán tài chính**: Giúp HĐQT và giám đốc công ty, tổ chức công tác hạch toán kế toán, công tác thống kê tài chính theo pháp lệnh kế toán – thống kê – tài chính của Nhà nước, quy định của cấp trên và điều lệ Công ty, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch và theo dõi quản lý tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty, tham mưu, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn của Công ty có hiệu quả.

- Lập và phân tích báo cáo tài chính định kỳ quý, 6 tháng và năm để phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán, xây dựng các thủ tục hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ phục vụ công tác kế toán, thống kê của Công ty; Đánh giá mức độ tin cậy và tính toàn diện của các thông tin tài chính;

- Tham mưu cho Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả chi phí đối với các hoạt động của Công ty.

* **Phòng kỹ thuật cơ điện**: Giúp HĐQT và giám đốc công ty thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật về công tác cơ điện, cơ khí, vận tải phục vụ SXKD của công ty, cụ thể:

- Quản lý việc sử dụng máy móc, thiết bị trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, điện, nước trong Công ty, đảm bảo phục vụ sản xuất liên tục, an toàn và độ bền của thiết bị, máy móc.

- Thực hiện chức năng nghiên cứu để sản xuất sản phẩm mới, nghiên cứu áp dụng công nghệ mới hiện đại, tiên tiến; cải tiến, nâng cấp và mua sắm, trang bị thêm máy móc, thiết bị cho Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Tổ chức tốt hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm cho từng công đoạn sản xuất, từng sản phẩm để đảm bảo hàng hoá bán ra đạt chất lượng..

* **Phòng kinh doanh tiêu thụ**: Là phòng chuyên môn có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện kinh doanh vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dịch vụ và tiêu thụ một số sản phẩm của công ty.

- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Tổ chức nghiên cứu mở rộng thị trường; Tiếp thị đàm phán và soạn thảo các hợp đồng mua bán sản phẩm.

- Tổ chức giao hàng cho khách hàng theo hợp đồng thương mại; Quản lý, theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng mua bán.

- Báo cáo kết quả tiêu thụ, tiến hành các hoạt động giới thiệu sản phẩm và tổng hợp sản lượng tiêu thụ sản phẩm hàng tháng.

* **Xưởng sản xuất lưới thép lót nóc lò:** sản xuất lưới théo lót nóc lò cung cấp đủ cho các mỏ than ở Quảng Ninh, phục vụ cho việc khai thác than theo yêu cầu của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam và Tổng giám đốc công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của công ty.
* **Xưởng sản xuất vỏ bao xi măng**: sản xuất vỏ bao xi măng cung cấp cho Công ty cổ phần xi măng La Hiên, cổ phần xi măng Tân Quang. Ngoài ra, Xưởng còn có bộ phận kinh doanh xi măng và các vật liệu xây dựng theo yêu cầu của Tập đoàn CN than khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của Công ty.
* **Chi nhánh công ty CP SX & KD VTTB – VVMI tại Hà Nội** *(Địa chỉ: Thôn Trung, Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội)*: Tổ chức thực hiện công tác kinh doanh vật tư thiết bị, kinh doanh than than của đơn vị mình đảm bảo các nguyên tắc quản lý của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam và Tổng giám đốc công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của công ty. Tổ chức sản xuất các sản phẩm phụ kiện hầm lò như Gông lò, thanh gằng…

## 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

***3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 25/10/2016***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cổ đông** | **Địa chỉ** | **Số CMND/ĐKKD** | **Số cổ phần** | **Tỷ lệ sở hữu** |
| 1 | Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP | Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội | 0100100015 | 637.507 | 51% |
| 2 | Phạm Đức Khiêm | Thôn Lực Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội | 001068004275 | 150.331 | 12,03% |

*Nguồn: CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

***3.2. Danh sách cổ đông sáng lập: Không có***

***3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 25/10/2016***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại cổ đông** | **Số lượng cổ đông** | **Số cổ phần nắm giữ** | **Tỷ lệ / Vốn điều lệ** |
| **I** | **Cổ đông trong nước** | **100** | **1.250.000** | **100%** |
| 1 | Cá nhân | 99 | 612.493 | 49% |
| 2 | Tổ chức | 01 | 637.507 | 51% |
| **II** | **Cổ đông nước ngoài** | **0** | **0** | **0%** |
| 1 | Cá nhân | 0 | 0 | 0% |
| 2 | Tổ chức | 0 | 0 | 0% |

*Nguồn: CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

## 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

***4.1 Công ty mẹ của Công ty:* Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP**

Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty và thương hiệu của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0100100015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/04/2006, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 01/10/2015.

- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 đồng.

- Ngành nghề kinh doanh:

* *Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dưng, khai thác, sàng tuyển, chế biến, kinh doanh các sản phẩm than;*
* *Công nghiệp khoáng sản: Khảo sát, thăm dò, đầu tư , xây dưng, khai thác, làm giàu quặng, sản xuất và kinh doanh khoáng sản;*
* *Công nghiệp vật liệu xây dựng: Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh xi măng; vật liệu xây dựng, vỏ bao xi măng và các sản phẩm bao bì khác.*

- Điện thoại: 04 36647515 Fax: 04 36647493

- Vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (tính theo mệnh giá) : 6.375.070.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ của công ty.

### *4.2 Công ty con:* Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh.

***5.1 Các sản phẩm chính của công ty***

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Vỏ Bao xi măng: Loại KPK

- Sản xuất kéo rút dây thép

- Phụ kiện hầm lò: Lưới thép lót nóc lò và Gông lò

* ***Vỏ bao xi măng KPK:*** là loại bao bì ba lớp, gồm bên ngoài giấy Kraft được tráng ghép manh dệt PP, bên trong lót 1 lớp giấy Kraft được dùng để đóng bao xi-măng trọng lượng 50kg. Ưu điểm của loại vỏ bao này là không bụi, không bể giấy, chống hút ẩm, bảo quản tốt.
* ***Lưới thép nóc lò:*** cung cấp cho các đơn vị thực hiện khai thác than hầm lò nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công, đào chống lò, khai thác than.

Thông số kỹ thuật của lưới thép nóc lò của Công ty:

- Đường kính dây thép nguội 2,2 – 4mm;

- Chiều dài mắt lỗ lưới – Mắt lưới 30 - 80mm;

- Chiều rộng tấm lưới 08 - 2.5m;

- Chiều dài tấm lưới Theo yêu cầu khách hàng

- Chiều dầy tấm lưới 14 – 20mm;

* ***Sản xuất Kéo rút dây thép:*** sản phẩm chính của công ty là dây thép hợp kim Φ 2.5, dùng để sản xuất lưới thép lót nóc lò và để cung cấp cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

***5.2 Cơ cấu Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa và dịch vụ***

* **Cơ cấu Doanh thu thuần**

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2014** | | **Năm 2015** | | **6 tháng năm 2016** | |
| **Giá trị** | **Tỷ trọng** | **Giá trị** | **Tỷ trọng** | **Giá trị** | **Tỷ trọng** |
| 1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa | 421.977.771 | 97,78% | 405.304.059 | 99,07% | 195.285.447 | 99,85 |
| 2. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 9.577.558 | 2,22% | 3.808.625 | 0,93% | 301.818 | 0,15 |
| **Tổng Doanh thu thuần** | **431.555.330** | **100%** | **409.112.684** | **100%** | **195.587.265** | **100%** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014-2015, BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016)*

***5.3 Chi phí sản xuất***

*Đơn vị tính:1000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2014** | | **Năm 2015** | | **6 tháng năm 2016** | |
| **Giá trị** | **Tỷ trọng** | **Giá trị** | **Tỷ trọng** | **Giá trị** | **Tỷ trọng** |
| Giá vốn hàng bán | 398.767.179 | 93,13% | 371.987.999 | 92,01% | 174.289.863 | 90,64% |
| Chi phí tài chính | 2.503.905 | 0,58% | 1.921.396 | 0,48% | 724.348 | 0,37% |
| Chi phí bán hàng | 16.525.594 | 3,86% | 14.786.427 | 3,66% | 7.686.986 | 4,00% |
| Chi phí Quản lý Doanh nghiệp | 10.384.167 | 2,43% | 15.585.867 | 3,86% | 9.593.975 | 4,99% |
| **Tổng chi phí** | **428.180.845** | **100%** | **404.281.689** | **100%** | **192.295.172** | **100%** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014-2015, BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016)*

***5. 4. Công nghệ sản xuất***

Công ty được đầu tư các dây chuyền hiện đại của Đài Loan và Ấn Độ với hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đánh giá là hiện đại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc sản xuất. Công suất sản xuất bao bì xi măng đạt 20 triệu vỏ/năm. Dây chuyền cán, kéo rút thép có công suất 5 nghìn tấn/năm. Riêng về sản xuất lưới thép, Công ty đã đầu tư xưởng sản xuất từ năm 1998 và là đơn vị duy nhất có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu về kích thước, chiều dài, chiều rộng lưới và mắt lưới cũng như các thông số kỹ thuật khác do khách hàng yêu cầu. Nhằm đáp ứng tốt hơn cho các doanh nghiệp ngành Than - Khoáng sản cũng như chủ động trong sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động, vừa qua, Công ty đã đầu tư mở rộng xưởng sản xuất thêm 200 m2, công suất đạt 2,5-3 triệu m2/năm.

|  |  |
| --- | --- |
| *Dây chuyền Sản xuất vỏ bao xi măng* | *Dây chuyền Sản xuất Lưới lót nót lò* |
| *Dây chuyền Sản xuất kéo rút thép* | *Sản xuất Gông lò* |

***Một số hình ảnh về các Dây chuyền sản xuất của Công ty***

*a) Công nghệ sản xuất vỏ bao xi măng*

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VỎ BAO XI MĂNG**

MÁY TRỘN

HỆ THỐNG TẠO SỢI

MÁY DỆT TRÒN

HỆ THỐNG TRÁNG MÀNG PHỨC HỢP

HỆ THỐNG IN + TẠO ỐNG + CẮT

MÁY MAY ĐẦU BAO

MÁY ÉP KIỆN

KIỆN THÀNH PHẨM

NHỰA PP

PHỤ GIA

GIẤY KRAPT

MỰC IN

NHỰA PP

GIẤY KRAPT

*Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

***Thuyết minh dây chuyền sản xuất sản phẩm vỏ bao xi măng:***

- Các yếu tố đầu vào chủ yếu của hệ thống bao: Hạt nhựa PP, Giấy Kraft, mực in,...

- Máy trộn: Phụ gia và hạt nhựa sẽ được trộn đều ở máy.

- Hệ thống tạo sợi: Ở giai đoạn này hạt nhựa và phụ gia sau khi được trộn đều sẽ được kéo thành sợi.

- Máy dệt tròn : Giai đoạn này máy dệt làm nhiệm vụ dệt các sợi nhựa thành manh dệt.

- Hệ thống tráng màng: Manh dệt và giấy Kraft (được đưa vào từ bên ngoài) sẽ được dán lại với nhau bằng một lớp nhựa (được lấy từ bên ngoài) tạo thành manh tráng PK.

- Hệ thống in – tạo ống: Sản phẩm tráng PK tiếp tục kết hợp với lớp giấy Kraft khác và thông qua hệ thống in – tạo ống để tạo thành các bao xi măng (gọi là KPK) có chiều dài 0.7 – 0.8m.

- Máy may đầu bao: Hệ thống may làm nhiệm vụ may đầu bao tạo sản phẩm.

- Máy ép kiện, kiện thành phẩm: Giai đoạn này làm nhiệm vụ đóng gói sản phẩm và đưa vào phục vụ thị trường.

*b) Công nghệ sản xuất lưới thép*

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT LƯỚI THÉP**

Gia công (rèn, đột, dập)

Hệ thống tạo ống + cắt gọt

Máy tạo khuôn

Máy đan lưới-Lắp ráp

Nhập kho thành phẩm

Thử nghiệm chất lượng lưới thép

Nguyên vật liệu

*Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

***Quy trình công nghệ sản xuất trải qua 4 giai đoạn:***

- Giai đoạn chuẩn bị: Ở giai đoạn này, phân xưởng lưới thép sử dụng các nguyên vật liệu như, vòng bi côn… để tạo kết cấu thép.

- Giai đoạn gia công: Đối với thép chưa qua xử lý được đưa vào máy rèn, đột, dập … để được các chi tiết như yêu cầu. Thời gian giai đoạn này tùy thuộc vào loại thép mà công ty sử dụng.

- Giai đoạn tạo khuôn: Giai đoạn gồm 2 bước

*Bước 1:* Nguyên vật liệu sau khi gia công được đưa vào hệ thống và cắt gọt.

*Bước 2:* Các phôi tạo ra sẽ được xử lý qua máy tạo khuôn đan, lắp ráp với nhau.

- Giai đoạn nhập kho: Ở giai đoạn này các sản phẩm có thể trải qua công đoạn mạ sau khi hoàn thành, giai đoạn nhập kho gồm 2 bước:

*Bước 1:* Sản phẩm được thử nghiệm chất lượng.

*Bước 2:* Nhập kho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

*c) Kéo rút thép*

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN KÉO RÚT THÉP**

Gia công (rèn, đột, dập)

Hệ thống tạo ống + cắt gọt

Máy tạo khuôn

Ổ Rút lưới từ thép phi 6 xuống phi 2,5

Nhập kho thành phẩm

Thử nghiệm chất lượng thép rút

Nguyên vật liệu

*Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

***5.5 Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới***

Ngoài các sản phẩm truyền thống, Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư trang thiết bị để đa dạng hoá sản phẩm mới nhằm tương hỗ cho các sản phẩm hiện tại. Công ty đã mở xưởng sản xuất Gông lò tại Chi nhánh Công ty để cung cấp cho các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty đã bắt tay vào nghiên cứu và đưa ra thị trường sản phẩm “mới” phù hợp với mô hình của mình, đó là loại vỏ bao đựng sản phẩm Hydrat nhôm, bao đựng ôxyt nhôm và bao Jumbo đựng Alumin, cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước và Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – Vinacomin thuộc Tập đoàn. Đặc biệt, đối với loại bao Jumbo, Công ty đã tận dụng được đến hơn 70% thiết bị và dây chuyền may vỏ bao xi măng để may vỏ bao jumbo. Chất lượng sản phẩm của Công ty đã được xác nhận bởi Công ty TNHH GREIF Việt Nam – một công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, trực thuộc Tập đoàn GREIF, một tập đoàn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất các loại bao bì đóng gói công nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Sản xuất vỏ bao Jumbo*** | ***Kiểm tra chất lượng vỏ bao Jumbo*** |

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.

***6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh***

***Kết quả kinh doanh năm 2014 và 2015***

*(đơn vị tính:1.000 VNĐ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **% tăng giảm 2015 so với 2014** | **6 tháng năm 2016** |
| Tổng giá trị tài sản | 89.399.004 | 90.391.349 | 1,11% | 124.458.856 |
| Vốn chủ sở hữu | 12.644.428 | 14.365.251 | 13,61% | 16.885.403 |
| Doanh thu thuần | 431.555.330 | 409.112.684 | -5,20% | 195.587.265 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 3.416.836 | 4.872.178 | 42,59% | 3.709.621 |
| Lợi nhuận khác | 627.882 | -4.409 | -100,70% | -402.394 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 4.044.718 | 4.867.768 | 20,35% | 3.307.227 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 3.157.893 | 3.768.037 | 19,32% | 2.520.152 |
| Tỷ lệ trả cổ tức/ lợi nhuận sau thuế | 28,5% | 23,89% | - | - |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2014-2015, BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016)*

Doanh thu năm 2015 giảm 5,2% so với doanh thu năm 2014 do sản lượng và giá bán các sản phẩm trong năm 2015 đều bị sụt giảm. Riêng mặt hàng lưới thép lót nóc lò – nguồn thu quan trọng nhất của Công ty, trong năm 2015 giá bán ba lần giảm tổng cộng 13%; trong khi đó, do ảnh hưởng của mưa lũ, một số mỏ hầm lò phải ngừng sản xuất, một số mỏ thay đổi công nghệ khai thác khiến cho sản lượng chỉ bằng 92% so với năm 2014, doanh thu mặt hàng này giảm hơn 4 tỷ đồng. Mặt hàng kéo rút thép bán cho CTCP Cơ khí và Thiết bị áp lực chỉ đạt khoảng 42% so với năm 2014 nên sản lượng tiêu thụ kéo rút thép năm 2015 giảm hơn 800 tấn, doanh thu giảm gần 12 tỷ đồng so với năm 2014.

***6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh***

*a) Thuận lợi*

Công ty đã thực hiện cơ cấu lại lao động tại các bộ phận sản xuất và kinh doanh tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Công tác đào tạo được chú trọng nên trình độ, tay nghề của người lao động ngày càng hoàn thiện hơn. Dây chuyền sản xuất, quy trình sản xuất được đồng bộ hóa, hoạt động có hiệu quả và thường xuyên được cải tiến nhằm đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu kĩ thuật, đáp ứng đủ số lượng và quy cách theo yêu cầu của khách hàng. Giá trị thương hiệu của công ty cũng ngày càng tăng lên thông qua việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín trong kinh doanh.

*b) Khó khăn*

Mặc dù nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực nhưng tình hình thị trường tiêu thụ than và xi măng vẫn còn nhiều khó khăn. Giá nguyên liệu đầu vào biến động lớn, nhất là giá nguyên liệu nhựa biến động khó lường, chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước. Trong khi đó, ngành Than đang đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp trong ngành, phá bỏ dần sự bảo hộ của Nhà nước. Giá bán lưới thép trong năm 2016 đã giảm 10% so với năm 2015 làm cho áp lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm quyết liệt hơn. Ngoài ra, sau khi Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam TKV- thực hiện tái cơ cấu kinh tế, Công ty không còn nhận được lợi thế bảo hộ của Tập đoàn nữa thì sẽ phải đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và phương thức bán hàng với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

## 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

*a) Vị thế của công ty trong ngành*

- Trải qua hơn 30 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI đã và đang khẳng định vị thế của mình, nhận được sự tin tưởng của khách hàng, đối tác cũng như các nhà đầu tư.

- Công ty có được sự hỗ trợ tích cực từ tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam cũng như Tổng công ty Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP trong việc hỗ trợ tài chính cũng như thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Công ty có nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty. Đồng thời Ban Giám đốc cũng luôn quan tâm đến đời sống và chế độ lương thưởng đối với cán bộ nhân viên;

- Công ty sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, được quy trình hóa rõ ràng.

- Sự quản trị , điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc luôn thống nhất và sát sao với tình hình hiện có của doanh nghiệp, từng bước đưa Công ty vượt qua được những khó khăn trước mắt, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện thành công chiến lược phát triển lâu dài của công ty

*b) Triển vọng phát triển của**ngành*

Tiếp nối đà tăng trưởng năm 2015, Chính phủ đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,7% và tốc độ CPI đạt dưới 5%, cho thấy tăng trưởng kinh tế tiếp tục được thúc đẩy mạnh. Ngoài ra, Chính phủ còn đề ra chiến lược phát triển, nâng cấp tổng thể hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại hóa ngang bằng với các nước công nghiệp trên thế giới trong giai đoạn 2016 -2020. Đây là yếu tố tích cực hỗ trợ ngành sản xuất xi măng nói chung và ngành sản xuất bao bì xi măng nói riêng.

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các phụ kiện hầm lò như lưới thép lót nóc lò, gông lò… của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động khai thác Than. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước, tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục bổ sung thăm dò các vùng than Bình Minh, Khoái Châu trên diện tích 85,5 km2 tại tỉnh Hưng yên và Dải than Đông Triều- Phả Lại. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng Than để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia dự kiến đến năm 2020 đạt 50-60 triệu tấn, năm 2025 đạt 70-75 triệu tấn. Đây là những hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới, gián tiếp khẳng định nhu cầu sử dụng các phụ kiện hầm lò để khai thác than sẽ phát triển mạnh trong tương lai.

## 8. Chính sách đối với người lao động

***8.1 Số lượng cán bộ nhân viên của công ty***

Tổng số nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2016: 240 người

Cơ cấu lao động tại Công ty tại thời điểm 30/06/2016

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Số lượng (người)** | **Tỉ lệ (%)** |
|  | Cán bộ quản lý | 21 | 9,29 |
|  | Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ |  |  |
|  | Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ | 24 | 10,62 |
|  | Nhân viên phục vụ | 19 | 8,41 |
|  | Công nhân lao động | 162 | 71,68 |
| **Tổng cộng** | | **226** | 100 |
| ***Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn:*** | | | |
|  | Trình độ thạc sỹ |  |  |
|  | Trình độ đại học, cao đẳng | 88 | 38,94 |
|  | Trình độ trung cấp | 13 | 5,75 |
|  | Công nhân kỹ thuật | 110 | 48,67 |
|  | Lao động phổ thông | 15 | 6,64 |
| **Tổng cộng** | | **226** | **100** |

*Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

***8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp***

* Người lao động có đủ việc làm, năng suất lao động tăng, thu nhập đảm bảo, người lao động yên tâm công tác. Mức lương bình quân của Cán bộ nhân viên tăng trưởng qua các năm:
* Năm 2014: 6.607.757 đồng/người/tháng
* Năm 2015: 7.020.000 đồng/người/tháng
* Áp dụng chính sách đào tạo và bồi dưỡng nâng bậc thợ theo chính sách lao động áp dụng với DN nhà nước. Sử dụng thang bảng lương áp dụng cho DN nhà nước.
* Tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động được trả đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ hạn và được thể hiện đầy đủ trong số lương của từng cá nhân và sổ lương doanh nghiệp;
* Các cán bộ, công nhân viên công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho các bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.
* Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kĩ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.
* Công tác định mức lao động, xây dựng và giao đơn giá tiền lương, nghiệm thu, quyết toán lương hàng tháng, được thực hiện đầy đủ kịp thời;
* Việc quản lý bổ sung hồ sơ CBCNV, sổ BHXH, giải quyết các thủ tục HĐLĐ, tiếp nhận, điều động, nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ thực hiện đầy đủ, đúng quy định;
* Theo dõi giải quyết các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, hưu trí, ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép, điều dưỡng, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại… cho người lao động đầy đủ kịp thời theo đúng quy định của Pháp luật và các quy chế của công ty

## 9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

* Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
* Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
* Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
* Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

*Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2014** | **2015** |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | 15% | 15% |
| Hình thức chi trả | Tiền mặt | Tiền mặt |

*Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI*

## 10. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành.

***10.1 Các chỉ tiêu cơ bản***

* **Khấu hao tài sản cố định:** Công ty thực hiện chính sách kế toán đối với TSCĐ và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó, Công ty trích lập khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 25 năm

- Máy móc thiết bị: 05 – 20 năm

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 10 năm

- Dụng cụ quản lý: 05 năm

- Quyền sử dụng đất: 50 năm

* **Các khoản phải nộp theo quy định:** Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế TNDN và các khoản thuế khác theo quy định nhà nước.

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **30/06/2016** |
|  | Thuế giá trị gia tăng | 640.200.306 | 627.042.255 | 100.947.381 |
|  | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 149.556.477 | 319.214.217 | 459.389.589 |
|  | Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - |
|  | Thuế thu nhập cá nhân | 299.997 | 630.000 | - |
|  | Các loại thuế khác | - | - | - |
|  | Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | - |
|  | **Cộng** | **790.056.780** | **946.886.472** | **560.636.970** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

* **Trích lập các quỹ theo luật định:** Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể từng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

**Số dư các quỹ của Công ty**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **30/06/2016** |
| 1 | Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 1.570.920.781 | 2.181.413.672 | 1.879.409.772 |
| 2 | Quỹ Đầu tư phát triển | 3.185.153.820 | 3.620.114.336 | 1.865.250.793 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

* **Tổng dư nợ vay**

*Đơn vị tính: đồng*

| **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **30/06/2016** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 14.031.189.485 | 23.698.384.507 | 19.899.221.776 |
| *- NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh* | *14.031.189.485* | *21.371.934.087* | *12.224.062.392* |
| *- NH TMCP Quân đội- CN Đông Anh* | *-* | *2.326.450.420* | *-* |
| *- NH TMCP Ngoại thương – CN Hoàng Mai* |  |  | *7.672.159.384* |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - |
| **Tổng dư nợ vay** | **14.031.189.485** | **23.698.384.507** | **19.899.221.776** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

* **Tình hình công nợ**

Các khoản phải thu của Công ty

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **30/06/2016** |
| **I** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **50.344.574.390** | **61.030.683.755** | **97.478.655.944** |
|  | Phải thu khách hàng | 50.173.187.738 | 62.013.068.530 | 98.167.383.873 |
|  | *CTCP Xi măng La Hiên* | *8.645.929.697* | *9.051.403.700* | *9.931.057.699* |
|  | *CTy Than Khe Chàm* | *9.733.327.671* | *12.860.924.839* | *9.363.357.757* |
|  | *Các khoản phải thu khách hàng khác* | *31.793.930.370* | *40.100.739.991* | *78.872.968.417* |
|  | Trả trước cho người bán | 865.460.500 | 200.000.000 | 403.239.320 |
|  | Các khoản phải thu khác | 1.187.266.131 | 698.955.204 | 789.372.730 |
|  | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -1.881.339.979 | -1.881.339.979 | -1.881.339.979 |
| **II** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **24.740.100** | **7.362.500** | **7.362.500** |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | 24.740.100 | 7.362.500 | 7.362.500 |
|  | **Tổng cộng các khoản phải thu** | **50.369.314.490** | **61.038.046.255** | **97.486.018.444** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

Các khoản phải trả của Công ty

*Đơn vị tính: đồng*

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **30/06/2016** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **76.742.900.106** | **75.861.695.638** | **107.494.959.517** |
|  | Phải trả người bán ngắn hạn | 49.589.580.531 | 33.276.870.057 | 70.808.154.733 |
|  | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 408.321.000 | - | 49.142.000 |
|  | Thuế và khoản phải nộp Nhà nước | 790.056.780 | 946.886.472 | 560.636.970 |
|  | Phải trả người lao động | 6.626.335.388 | 7.345.204.857 | 6.680.180.772 |
|  | Chi phí phải trả ngắn hạn | 12.398.311 | 44.039.883 | 2.700.536.392 |
|  | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 47.381.063 | - | - |
|  | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | 47.727.283 |
|  | Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 3.666.716.767 | 8.368.896.190 | 4.329.949.819 |
|  | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 14.031.189.485 | 23.698.384.507 | 19.899.221.776 |
|  | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | 540.000.000 |
|  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.570.920.781 | 2.181.413.672 | 1.879.409.772 |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **11.675.460** | **164.402.731** | **78.493.632** |
|  | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 9.545.460 | 162.272.731 | 76.363.632 |
|  | Phải trả dài hạn khác | 2.130.000 | 2.130.000 | 2.130.000 |
| **Tổng cộng** | | **76.754.575.566** | **76.026.098.369** | **107.573.453.149** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

* **Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **01/01/2015** | | **31/12/2015** | | **30/06/2016** | |
| **Giá gốc** | **Dự phòng** | **Giá gốc** | **Dự phòng** | **Giá gốc** | **Dự phòng** |
|  | Nguyên liệu, vật liệu | 5.533.211.661 | - | 8.909.245.150 | - | 6.730.891.266 | - |
|  | Công cụ, dụng cụ | 89.236.305 | - | 108.301.672 | - | 264.149.067 | - |
|  | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.716.855.895 | - | 3.247.599.084 | - | 3.302.262.474 | - |
|  | Thành phẩm | 7.046.731.263 | - | 6.375.615.187 | - | 6.870.389.210 | - |
|  | Hàng hóa | 3.563.701.257 | - | 942.316.200 | - | 1.324.178.528 | - |
|  | Hàng gửi bán | - | - | - | - | 641.115.068 | - |
|  | **Cộng** | **20.949.736.381** | **-** | **19.583.077.293** | **-** | **19.132.985.612** | **-** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC kiểm toán soát xét 6 tháng năm 2016*

***10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2014** | **Năm 2015** |
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn** | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 1 | 1,08 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 0,61 | 0,69 |
| **2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn** | | | |
| Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | lần | 0,86 | 0,84 |
| Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | lần | 6,07 | 5,29 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | |  |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | lần | 4,53 | 4,83 |
| Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân) | vòng | 19,003 | 18,355 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| Hệ số LNST/ Doanh thu thuần | % | 0,73% | 0,92% |
| Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu | % | 24,97% | 26,23% |
| Hệ số LNST/Tổng tài sản | % | 3,53% | 4.17% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 0,79% | 1,19% |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI)*

1. **Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)**
   1. ***Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015***

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Nguyên giá** | **Hao mòn lũy kế** | **Giá trị còn lại** |
| **Tài sản cố định hữu hình** | **46.105.779.601** | **7.976.197.682** | **8.129.581.919** |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 12.421.853.926 | 8.227.592.744 | 4.194.261.182 |
| Máy móc thiết bị | 29.542.955.969 | 26.787.762.842 | 2.755.193.127 |
| Phương tiện vận tải | 3.904.679.797 | 2.738.671.415 | 1.166.008.382 |
| Thiết bị văn phòng | 236.289.909 | 222.170.681 | 14.119.228 |
| **Tài sản cố định vô hình** | **-** | **-** | **-** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI năm 2015)*

* 1. ***Tình hình đất đai tại thời điểm 30/06/2016:***

| **TT** | **Địa điểm** | **Diện tích** | **Hính thức (giao, thuê)** | **Thời gian thuê đất** | **Mục đích sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổ 12 thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội | 15.500 m2 | Thuê 50 năm | từ năm 2012 đến năm 2062 | Trụ sở công ty và cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty |
|  | Tổ 4 thị trấn Đông anh – TP Hà Nội | 800,7 m2 | Thuê 50 năm | từ năm 2013 đến năm 2063 | Làm Văn phòng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm |
|  | Thông trung , Việt Hùng, Đông Anh , Hà Nội | 15.000 m2 | Đất có quy hoạch của Thành phố Hà Nội | | Chi nhánh Công ty |

1. **Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016**

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2016 | % tăng/ giảm so với thực hiện năm 2015 |
| Doanh thu thuần | 356.000.000.000 | -12,98% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.800.000.000 | -25,69% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,79% | -14,23% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 22.4% | -64,33% |
| Tỷ lệ trả cổ tức | 12% |  |

*(nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)*

***Căn cứ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016:***

Để đạt được kết quả kinh doanh trên, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

* + Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí vật tư, nguyên liệu đầu vào.
  + Ổn định chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để giữ vững thị trường truyền thống, phát triển thêm thị trường mới cho các sản phẩm đồng dạng như vỏ bao Hydroxít nhôm, vỏ bao thuốc nổ … Trong lĩnh vực kinh doanh có chính sách để thu hút nhân tài để tăng doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa.
  + Thực hiện điều hành công tác tài chính, phù hợp với kế hoạch và cơ chế khoán cho từng đơn vị, tích cực hoàn thiện hồ sơ thanh toán để thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay của vốn để giảm lãi vay ngân hàng. Phấn đấu giảm tới mức thấp nhất hệ số nợ phải thu, nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Đàm phán với ngân hàng để được tài trợ vốn với mức lãi suất thấp nhất.
  + Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực đào tạo, xây dựng đội ngũ kế thùa tinh thông nghiệp vụ, tay nghề giỏi, có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành công ty phát triển.
  + Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện những nguy cơ mất an toàn để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tai nạn lao động, kể cả tai nạn lao động nhẹ.
  + Sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, các lợi thế về đất đai vị trí địa lý xây dựng chiến lược phát triển công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

1. **Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

Mục tiêu của công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI trong năm 2016 và các năm tới là:

* + Duy trì ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;
  + Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
  + Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

1. **Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty:** Không có
2. **Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:** Không có

# II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

**1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên

***Danh sách thành viên hội đồng quản trị công ty***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên thành viên** | **Chức danh trong HĐQT** |
| 1 | Đồng Quang Lực | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Phạm Đức Khiêm | Thành viên |
| 3 | Phạm Đình Tuấn | Thành viên |
| 4 | Ngô Minh Vinh | Thành viên |
| 5 | Lưu Văn Hưng | Thành viên |

***1.1 Ông Đồng Quang Lực – Chủ tịch HĐQT***

- Họ và tên*:* Đồng Quang Lực

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh*:* 06/10/1965

- Nơi sinh: Xã Hùng Sơn - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

- Chứng minh thư nhân dân số: 090526845

Nơi cấp: 19/05/2004 Ngày cấp: CA. Thái Nguyên

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Phòng Quản lý vốn - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: 637.500 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ 10/1995 đến 10/1996 | Nhà máy xi măng La Hiên | Phó phòng công nghệ |
| Từ 10/1996 đến 12/2003 | Nhà máy xi măng La Hiên | Trưởng phòng công nghệ |
| Từ 01/2004 đến 8/2007 | Nhà máy xi măng La Hiên | Phó Giám đốc |
| Từ 8/2007 đến 12/2015 | Cty CP XM Tân Quang | Giám đốc |
| Từ T01/2016 đến nay | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | TP Phòng quản lý vốn |
| Từ 31/03/2016 đến nay | CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị VVMI | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***1.2 Ông Phạm Đức Khiêm – Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty***

- Họ và tên: Phạm Đức Khiêm

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 08/5/1968

- Nơi sinh: Xã Xuân Canh - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Lực Canh - Xã Xuân Canh - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 001068004275

- Nơi cấp: Do cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QL về dân cư. Ngày cấp: 11/8/2015

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành khai thác mỏ, cử nhân Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT Công ty.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 148.671 cổ phiếu, chiếm 24,27% vốn điều lệ
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T4/1992 đến T12/1993 | Xí nghiệp VTVT và CB than | Nhân viên kế toán |
| Từ T1/1994 đến T12/2004 | Xí nghiệp VTVT và CB than | Quản đốc Xưởng II Xưởng SX lưới thép |
| Từ T1/2005 đến T12/2006 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Trưởng phòng KDTT |
| Từ T1/2007 đến T12/2007 | Công ty CP SX và KD VTTB | Chuyên viên P. KDTT |
| Từ T1/2008 đến T6/2009 | Công ty CP SX và KD VTTB | Trưởng phòng KDTT |
| Từ T7/2009 đến T5/2010 | Chi nhánh Công ty CP SX và KD VTTB tại HN | Phó Giám đốc |
| Từ T6/2010 đến T4/2011 | Chi nhánh Công ty CP SX và KD VTTB tại HN | Giám đốc |
| Từ T5/2011 đến T9/2014 | Công ty CP SX và KD VTTB | Phó Giám đốc Cty kiêm Giám đốc Chi nhánh |
| Từ T10/2014 đến T3/2016 | Công ty CP SX và KD VTTB | Phó Giám đốc Công ty |
| Từ T4/2016 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB | Giám đốc Cty |
| Từ T3/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB | Thành viên HĐQT |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***1.3 Ông Phạm Đình Tuấn – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty***

- Họ và tên*:* Phạm Đình Tuấn

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh*:* 01/3/1968

- Nơi sinh: Thị xã Bắc Giang - Tỉnh Hà Bắc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh

- Chứng minh thư nhân dân số: 101050679

Nơi cấp: Do Công an Quảng Ninh. Ngày cấp: 06/02/2007

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế QTDN mỏ, Cử nhân kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty, thành viên HĐQT Công ty.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 32.624 cổ phiếu, chiếm 5,33% vốn điều lệ
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T1/1997 đến T4/1998 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | Nhân viên Kế toán |
| Từ T5/1998 đến T8/2001 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | Phó phòng kế toán |
| Từ T9/2001 đến T8/2003 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | Phó phòng KHLĐTL |
| Từ T9/2003 đến T4/2004 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | Trưởng phòng KHLĐTL |
| Từ T5/2004 đến T9/2004 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | TP. Kế hoạch vật tư |
| Từ T10/2004 đến T6/2006 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản | TP. Kế toán thống kê tài chính |
| Từ T7/2006 đến T2/2007 | XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản - Công ty than Nội địa | Kế toán trưởng |
| Từ T3/2007 đến T1/2010 | Chi nhánh Cty TNHH MTV CN mỏ Việt Bắc – TKV tại QN | Kế toán trưởng |
| Từ T2/2010 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Kế toán trưởng |
| Từ T3/2016 đế nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Thành viên HĐQT |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***1.4 Ông Ngô Minh Vinh – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty***

- Họ và tên*:* Ngô Minh Vinh

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh*:* 20/11/1964

- Nơi sinh: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.

- Chứng minh thư nhân dân số: 011199541

- Nơi cấp: Hà Nội. Ngày cấp: 26/4/2006

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp mỏ.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,16% vốn điều lệ
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T1/1993 đến T10/1998 | Mỏ than Làng Cẩm | Kỹ sư |
| Từ T11/1998 đến T3/2005 | Tổng Công ty than Nội địa | Kỹ sư phòng cơ điện |
| Từ T4/2005 đến T7/2007 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | TP. KTCĐ AT |
| Từ T8/2007 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Phó Giám đốc |
| Từ T3/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Thành viên HĐQT |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***1.5 Ông Lưu Văn Hưng – Thành viên HĐQT công ty***

- Họ và tên*:* Lưu Văn Hưng

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh*:* 12/5/1957

- Nơi sinh: Xã Mộc Bắc - Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:

- Chứng minh thư nhân dân số: 0133483225

Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 21/09/2010

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng tổ chức cán bộ Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T7/1977 đến T10/1992 | Cục chính trị quân khu I | Thiếu tá trợ lý phòng bảo vệ an ninh |
| Từ T11/1992 đến T6/1993 | Mỏ than Núi Hồng | Cán bộ thanh tra phòng bảo vệ |
| Từ T7/1993 đến T12/1997 | Mỏ than Núi Hồng | Phó phòng bảo vệ |
| Từ T01/1998 đến T11/2001 | Mỏ than Núi Hồng | TP bảo vệ |
| Từ T12/2001 đến T9/2004 | Mỏ than Núi Hồng | TP TCLĐ |
| Từ T10/2004 đến T12/2008 | XN than Núi Hồng | CVC TP TCLĐ |
| Từ T01/2009 đến T8/2009 | XN than Núi Hồng | Phó giám đốc |
| Từ T9/2009 đến T12/2013 | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc-Vinacomin | CVCC. TP TCCB |
| Từ T01/2014 đến nay | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | Trưởng phòng TCNS |
| Từ T03/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Thành viên HĐQT |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**2. Ban kiểm soát**

***Danh sách thành viên ban kiểm soát công ty***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh trong Ban kiểm soát** |
| 1 | Nguyễn Hồng Hạnh | Trưởng ban kiểm soát |
| 2 | Lê Thị Hồng Cẩm | Ủy viên ban kiểm soát |
| 3 | Tô Toàn Thắng | Ủy viên ban kiểm soát |

***2.1 Bà Nguyễn Hồng Hạnh – Trưởng ban kiểm soát***

- Họ và tên*:* Nguyễn Hồng Hạnh

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh*:* 09/6/1975

- Nơi sinh: Xã Đình Bảng - Huyện Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Quận Đống Đa - TP Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 027175000047

- Ngày cấp: 31/7/2014 - Nơi cấp: Do cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QL về dân cư.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán -Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Trưởng phòng KTTKTC - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T9/1995 đến T9/1996 | Tổng Công ty than Nội địa | CV Phòng Kế toán – NV biệt phái |
| Từ T10/1996 đến T12/1996 | Tổng Công ty than Nội địa | NV Phòng kiểm toán Nội bộ |
| Từ T01/1997 đến T3/1998 | Tổng Công ty than Nội địa | Nhân viên |
| Từ T04/1998 đến T7/2006 | Tổng Công ty than Nội địa | CV Phòng kế toán |
| Từ T8/2009 đến T2/2010 | Tổng Cty CN mỏ Việt Bắc - TKV | CV-PP KTTKTC |
| Từ T3/2010 đến T5/2015 | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc-Vinacomin | CV-PP KTTKTC |
| Từ T06/2015 đến nay | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | CV-PP KTTKTC |
| Từ T03/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Trưởng ban kiểm soát |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***2.2 Bà Lê Thị Hồng Cẩm - Ủy viên Ban kiểm soát***

- Họ và tên: Lê Thị Hồng Cẩm

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 22/7/1979

- Nơi sinh: Xã Thanh Lâm - Huyện Mê Linh - Tỉnh Vĩnh Phúc

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: TP Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 012313120

- Ngày cấp: 23/10/2014, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QL về dân cư

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính -Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T8/2001 đến T9/2004 | Tổng Công ty than Nội địa | NV Phòng Tài chính Kế toán |
| Từ T10/2004 đến nay | Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | CV Phòng KTTKTC |
| Từ T3/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Ủy viên Ban kiểm soát |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

***2.3 Ông Tô Toàn Thắng – Ủy viên ban kiểm soát***

Họ và tên*:* Tô Toàn Thắng

Giới tính: Nam

Ngày sinh*:* 20/6/1975

Nơi sinh: Phấn Mễ - Phú Lương - Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 28 - Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 012711787

Nơi cấp: Do Công an Hà Nội. Ngày cấp: 25/12/2007.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Quản đốc Xưởng SX lưới thép Công ty, ủy viên BKS Công ty.

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

* Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
* Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 9.958 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
* Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Chức vụ** |
| Từ T2/2001 đến T9/2005 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Công nhân Xưởng SX Lưới thép |
| Từ T10/2005 đến T5/2007 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Nhân viên bảo vệ tuần tra canh gác tại các kho |
| Từ T6/2007 đến T4/2010 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Chuyên viên Xưởng SX Lưới thép |
| Từ T5/2010 đến T2/2014 | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Phó Quản đốc Xưởng SX Lưới thép |
| Từ T3/2014 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Quản đốc Xưởng SX Lưới thép |
| Từ T3/2015 đến nay | Công ty CP SX và KD VTTB-VVMI | Ủy viên Ban kiểm soát |

* Các khoản nợ đối với Công ty: Không
* Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**3. Giám đốc và các cán bộ quản lý.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh quản lý** |
| 1 | Phạm Đức Khiêm | Giám đốc |
| 2 | Ngô Minh Vinh | Phó giám đốc |
| 3 | Phạm Đình Tuấn | Kế toán trưởng |

***3.1 Ông Phạm Đức Khiêm– Giám đốc công ty***

Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

***3.2 Ông Ngô Minh Vinh – Phó giám đốc công ty***

Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

***3.3. Ông Phạm Đình Tuấn – Kế toán trưởng công ty***

Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

**4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Trên cơ sở mô hình và cơ cấu tổ chức đã được xây dựng, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận/ đơn vị; xây dựng quy chế hoạt động, đồng thời tập trung đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

Theo đó, công ty sẽ thực hiện xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở chi phối tất cả các hoạt động thường xuyên, cụ thể như sau:

- Điều lệ công ty;

- Quy chế tài chính; Quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

- Các quy chế, quy định nội bộ khác.

# III. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất

2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, báo cáo tài chính soát xét 06 tháng năm 2016

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Hà Nội, ngày .... tháng ... năm 2016

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trưởng ban Kiểm soát**  **NGUYỄN HỒNG HẠNH** | **Kế toán trưởng**  **PHẠM ĐÌNH TUẤN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Giám đốc**  **PHẠM ĐỨC KHIÊM** | **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  **ĐỒNG QUANG LỰC** |